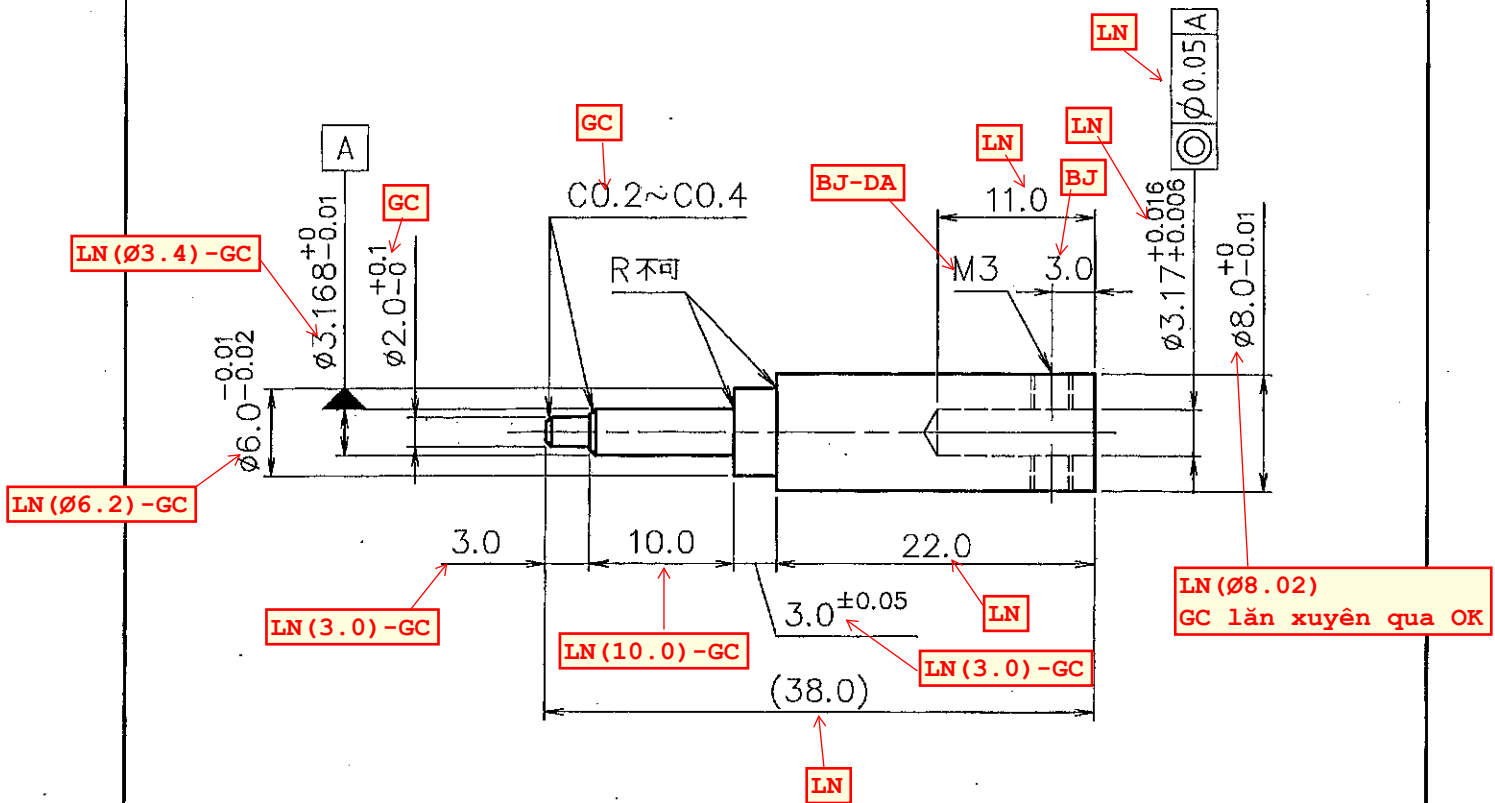


訂正Rev	日	付	記	事	擔	當	一般加工公差表示	
							0.5以上6以下	±0.1
							6~30	±0.2
							31~120	±0.3
							121~315	±0.5
							圖面上有公差時以圖面公差優先	



指示外系面加工



LN:  
-B1: gia công  $\varnothing 3.17$  và  $\varnothing 8.00$   
-B2: Gia công thô các bậc cho GC

S CHUẨN<sup>2</sup>

加工順	工程	部	品	名	材	質	數	量	設	備	名	稱
01		軸			SUS303		1		壽命試驗	磁性負荷		
02		熱	處	理	表面處理	檢	圖	設	製	圖	日	期
03		燒入	HRC			章曉龍	葉柳鳳	葉柳鳳	2002/10/14			共通部品番號
04		尺	度	第三	圖面	S403310						訂正REV
05		2:1 ( / )	角法	番號	5252-003T-00-1-003-AA\J95871.0WG							

SNO: **S403310**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SUS</b> <b>Ø10*43</b>	LN:30 GC:40 BJ:10 DA:3 KTS